

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

quý 1 năm 2009

I.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	209,649,036,980	140,069,475,761
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	150,076,633,193	75,052,448,858
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8,650,000,000	19,534,601,900
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22,853,943,721	17,135,602,147
4	Hàng tồn kho	27,174,928,116	26,658,573,537
5	Tài sản ngắn hạn khác	893,531,950	1,688,249,319
II	Tài sản dài hạn	451,023,966,805	447,575,161,597
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	316,922,181,694	308,901,052,049
	-Tài sản cố định hữu hình	256,425,585,125	260,019,495,823
	*Nguyên giá	421,479,782,097	426,347,911,643
	*Giá trị hao mòn lũy kế	(165,054,196,972)	(166,328,415,820)
	-Tài sản cố định vô hình	0	0
	-Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	-Chi phí XDCB dở dang	60,496,596,569	48,881,556,226
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	102,031,952,609	107,181,952,609
5	Tài sản dài hạn khác	32,069,832,502	31,492,156,939
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	660,673,003,785	587,644,637,358
IV	Nợ phải trả	156,205,502,929	82,049,960,327
1	Nợ ngắn hạn	127,093,342,616	53,020,575,264
2	Nợ dài hạn	29,112,160,313	29,029,385,063
V	Vốn chủ sở hữu	504,467,500,856	505,594,677,031
1	Vốn chủ sở hữu	478,841,238,512	492,183,287,502
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	0	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	109,359,488,752	162,510,863,083
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69,481,749,760	29,672,424,419
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	25,626,262,344	13,411,389,529
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25,626,262,344	13,411,389,529
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	660,673,003,785	587,644,637,358

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
Vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhận giữ hộ, nhận gia công	958,269,119	958,269,119

II.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	70,449,504,207	70,449,504,207
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70,449,504,207	70,449,504,207
4	Giá vốn hàng bán	43,905,851,301	43,905,851,301
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,543,652,906	26,543,652,906
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,399,048,208	2,399,048,208
7	Chi phí tài chính	926,577,546	926,577,546
8	Chi phí bán hàng	630,005,320	630,005,320
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,854,477,763	2,854,477,763
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24,531,640,485	24,531,640,485
11	Thu nhập khác	7,163,628,827	7,163,628,827
12	Chi phí khác	3,353,220,322	3,353,220,322
13	Lợi nhuận khác	3,810,408,505	3,810,408,505
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,342,048,990	28,342,048,990
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	28,342,048,990	28,342,048,990
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	945	945
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 20/04/2009
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC ẨN